(Mẫu số 27-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP)

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ CHÂU
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày 14/01/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Xuân Diệu.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Phan Bá Lịch
Bà: Phan Thị Duệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Tăng Thành Vương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2019/TLST-HS ngày 26/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vi Văn H – Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1987, tại huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản M (Nay là bản Th M), xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Mù chữ; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Vi Văn V và bà: Lương Thị L.

Vợ: Ngân Thị H, con: 02 đứa.

Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giam: 08/8/2019.

Có mặt.

-Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Th – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An – Chi nhánh số 2.

Có mặt.

-Nguyên đơn dân sự; Ủy ban nhân dân huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đức Th – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1.Lò Văn T, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Bản Th 2 (Nay là bản Th M), xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

2. Lò Văn P, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Bản N (Nay là bản Ch N), xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt

3.Hoàng Thị Nh, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Bản B 2 (Nay là bản K M), xã Ch B, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.

Có mặt.

4. Lương Văn V, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Bản B 2 (Nay là bản K M), xã Ch B, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

-Người làm chứng:

1. Phan Thị Ph, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Xóm C Đ, xã Y H, huyện Q H, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

2. Cầm Bá H, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Bản Ch (Nay là bản Ch N), xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt

3. Lương Văn H, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Bản B 2 (Nay là bản K M), xã Ch B, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

4. Lữ Văn Th, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Bản M (Nay là bản Th M), xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

5. Hà Văn L, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Bản M (Nay là bản Th M), xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

6. Lò Văn Ph, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Bản M (Nay là bản Th M), xã Ch Th, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

7. Lương Thị D, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Bản M (Nay là bản Th M), xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

8. Cầm Thị Th, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Bản M (Nay là bản Th M), xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

9. Lương Thị M, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Bản M (Nay là bản Th M), xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

10. Lữ Thị H, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Bản M (Nay là bản Th M), xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

11. Vi Thị Th, sinh năm 1981.
Nơi cư trú: Bản M (Nay là bản Th M), xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.
Vắng mặt.
12. Lữ Thị Th, sinh năm 1992.
Nơi cư trú: Bản M (Nay là bản Th M), xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.
Vắng mặt.
13. Hà Văn Ch, sinh năm 1985.
Nơi cư trú: Bản M (Nay là bản Th M), xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.
Vắng mặt.
14. Ngân Thị H, sinh năm 1987.
Nơi cư trú: Bản M (Nay là bản Th M), xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.
Vắng mặt.
15. Lương Thị H, sinh năm 1974.
Nơi cư trú: Bản M (Nay là bản Th M), xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.
Vắng mặt.
16. Lò Văn Đ, sinh năm 1990.
Nơi cư trú: Bản N (Nay là bản Chg N), xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện kế hoạch số 16/KH-UBND, ngày 18/02/2014 của UBND huyện Q Ch và kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 26/02/2014 của UBND xã Ch Th, huyện Q Ch về việc: Triển khai giao đất lâm nghiệp trên địa bàn. Hộ gia đình Vi Văn H đã được UBND xã Ch Th, huyện Q Ch xét tạm giao quản lý, bảo vệ diện tích 69.960 m^2 đất rừng sản xuất tại lô 87, 92, 95 khoảnh 5 tiểu khu 164 (Theo bản đồ kiểm kê rừng năm 2015 và được phê duyệt tại quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của UBND tỉnh Nghệ An) nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận quản lý, bảo vệ diện tích đất trên thì đến ngày 03/01/2015 Vi Văn H đã chuyển nhượng diện tích đất được tạm giao quản lý, bảo vệ của hộ gia đình mình cho chị Phan Thị Ph, sinh năm 1975, ở xóm C Đ, xã Y H, huyện Q H, tỉnh Nghệ An với số tiền là 12.000.000,đ. Việc chuyển nhượng giữa Vi Văn H và Phan Thị Ph có viết giấy chuyển nhượng nhưng không có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi nhận chuyển nhượng với Vi Văn H thì Phan Thị Ph đã chuyển nhượng lại cho Hoàng Thị Nh, sinh năm 1972 ở bản B 2, xã Ch B, huyện Q Ch với số tiền là 12.000.000,đ. Hoàng Thị Nh đã gặp Vi Văn H thông báo cho H biết là đất mà Phan Thị Ph nhận chuyển nhượng với Vi Văn H Phan Thị Ph đã chuyển nhượng lại cho Hoàng Thị Nh và từ đó giữa Vi Văn H và Hoàng Thị Nh quen biết nhau.

Ngày 30/3/2019 Vi Văn H điện thoại cho Hoàng Thị Nh nói ở xã Ch Th, huyện Q Ch có nhiều người đã phát rừng để tổng keo, nếu bà Nh muốn phát rừng

trồng keo thì H sẽ đứng ra làm thủ tục xin phép cho bà Nh để phát rừng trồng keo và được bà Nh đồng ý.

Khoảng 06 ngày sau, H đến nhà bà Nh. Tại đây H và bà Nh tiếp tục trao đổi và thống nhất: H là người sẽ đứng ra làm thủ tục, hồ sơ xin phép cơ quan chức năng để phát rừng, nếu được cho phép thì sẽ phát rừng để trồng keo,còn chi phí bà Nh sẽ chịu hết. Sau khi thống nhất với nhau xong bà Nh đưa cho Vi Văn H số tiền 3.000.000,đ *(Ba triệu đồng)* để chi phí làm thủ tục, hồ sơ xin cơ quan chức năng. Đồng thời hai bên sau đó thống nhất với nhau là sau khi phát và dọn dẹp xong chị Nh phải trả cho H tiền công hoặc cho Hòa 01 ha đất để trồng keo. Sau khi lấy tiền từ bà Nh, chiều tối hôm đó Vi Văn H đã đến nhà ông Cầm Bá H, sinh năm 1982, ở bản Ch, xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An - Cán bộ lâm nghiệp xã Ch Th, huyện Q Ch với mục đích xin được phát rừng nhưng không được chấp nhận.

Ngày hôm sau, Vi Văn H đã thông báo với bà Nh là đã làm được thủ tục, hồ sơ xin cơ quan chức năng cho phép được phát rừng rồi và nói bà Nh chuẩn bị thuê người để phát rừng. Bà Nh có nói lại với H là nếu xin phép được cơ quan chức năng rồi thì sẽ phát nhưng do bà Nh đang ốm nên nói Vi Văn H tìm giúp người phát rừng. Vi Văn H đã đồng ý tìm thuê người phát rừng cho bà Nh. Sau đó Vi Văn H đã thuê 13 người, gồm: Lò Văn T, Lương Thị D, Lữ Thị H đều trú tại bản Th 2, xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An; Lữ Văn Th, Lò Văn Ph, Hà Văn Ch, Ngân Thị H (vợ Vi Văn H), Lữ Thị Th, Hà Văn L, Lương Thị H, Lương Thị M, Vi Thị Th, Cầm Thị Th đều trú tại bản M, xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An. Sau khi thuê được người nhận phát rừng, Vi Văn H báo cho bà Nh giá thuê phát rừng là 3.500.000,đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)/ha và bà Nh đã đồng ý với mức giá trên. Vi Văn H đã yêu cầu bà Nh đưa trước 3.000.000,đ *(Ba triệu đồng)* để cho những người phát rừng mua thức ăn, nước uống. Do bị ốm nên bà Nh đã nói chồng của mình là Lương Văn V, trú tại bản B 2, xã Ch B, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An đưa tiền lên cho H tại ngã ba bản Ch, xã Ch B, huyện Q Ch với số tiền 3.000.000,đ *(Ba triệu đồng)* mà không viết giấy giao nhận tiền. Sau khi nhận tiền về thì H đưa cho ông Lữ Văn Th số tiền 2.000.000,đ *(Hai triệu đồng)* để mua thức ăn, nước uống để phát rừng, số tiền còn lại 1.000.000,đ *(Một triệu đồng)* thì H giữ.

Sáng ngày 14/4/2019, Vi Văn H đã tập trung những người làm thuê phát rừng tại nhà mình, thống nhất lại các nội dung: Giá phát rừng là 3.500.000,đ *(Ba triệu năm trăm nghìn đồng)*/ha; công cụ là dao do người làm thuê tự chuẩn bị; chỉ chặt phát cây nhỏ tại khu vực rừng tạm giao của Vi Văn H. Tại đây, Vi Văn H cũng đã nói là mình đã xin và được sự cho phép cơ quan chức năng cho phép phát rừng, mọi người cứ yên tâm. Ngày 15/4/2019, Vi Văn H đưa những người làm thuê phát rừng đi vào khu vực rừng mà Vi Văn H được tạm giao tại thuộc lô 87, 92, 95 khoảnh 5 tiểu khu 164 thuộc bản M, xã Ch Th và chỉ vị trí, khu vực cần phát. Những người làm thuê đã tiến hành phát rừng từ ngày 15/4/2019 đến hết buổi sáng ngày 19/4/2019.

Sau khi phát rừng xong khoảng một tuần, những người làm thuê phát rừng yêu cầu thanh toán tiền công nên Vi Văn H đã liên hệ với để bà Nh lên thanh toán. Do bị ốm nên bà Nh đã nói con trai là Lương Văn H, trú tại bản B 2, xã Ch B, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An tới khu vực rừng đã được phát để đo và thanh toán tiền. Vì không đo được diện tích H đã trả trước cho những người làm thuê 6.500.000,đ *(Sáu triệu năm trăm nghìn đồng)* mà không làm giấy tờ giao, nhận tiền rồi ra về. Sau đó khoảng 3 tuần, người làm thuê tiếp tục yêu cầu thanh toán tiền công nên Vi Văn H đã gọi điện thoại nói bà Nh lên thanh toán cho họ. Chiều ngày 17/5/2019, bà Nh nhờ Lương Văn H chở mình lên xã Ch Th, Q Ch để đo đạc, thanh toán tiền cho họ. Tại nhà Vi Văn Hòa, những người làm thuê phát rừng nói với bà Nh là đã phát được 5 ha, vì chưa đi đo đạc được nên bà Nh đã đưa cho họ 9.000.000,đ *(Chín triệu đồng)* và viết giấy biên nhận tiền giữa bà Nh và Lò Văn T. Tuy nhiên trong giấy biên nhận tiền thì số tiền giao nhận là 17.500.000 đồng. (Đây là tổng số tiền đã giao nhận đã thanh toán cho người làm thuê phát rừng gồm: Tiền đã ứng trước 2.000.000,đ *(Hai triệu đồng)* từ Vi Văn H, 6.500.000,đ *(Sáu triệu năm trăm nghìn đồng)* do Lương Văn H giao trước đó và 9.000.000,đ *(Chín triệu đồng)* bà Nh trực tiếp giao). Ngoài ra bà Nh và những người làm thuê còn thỏa thuận thêm: nếu sau này khi đo diện tích rừng đã phát mà thiếu thì phải phát thêm cho bà Nh và ngược lại nếu diện tích rừng được phát vượt quá số tiền đã nhận thì bà Nh tiếp tục trả thêm tiền. Sau khi nhận tiền, ông T đã chia cho 13 người mỗi người 500.000,đ *(Năm trăm nghìn đồng),* ông Tiến giữ lại 3.500.000 đồng *(Ba triệu năm trăm nghìn đồng)* để sau này nếu đo có thiếu diện tích thì tiếp tục thuê người phát rừng hoặc trả lại tiền cho H và bà Nh.

Sau đó khoảng một tuần, Vi Văn H đã thuê Lò Văn Đ , trú tại bản N, xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An dùng máy cưa xăng cưa hạ các cây gỗ lớn trong khu vực rừng đã phát trong hai buổi. Trong thời gian này, Vi Văn H có tham gia cùng Đ để cưa hạ các cây gỗ. H cũng nói với Đ là đã xin cơ quan chức năng rồi nên cưa hạ cây sẽ không bị xử lý. Chiếc máy cưa xăng được sử dụng nói trên là của Lò Văn Ph, trú tại bản N, xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An - là anh trai của Đ.

Sau khi cưa hạ cây gỗ, Vi Văn H gọi điện thoại nói bà Nh lên kiểm tra. Tại nhà Vi Văn H, H đã nói bà Nh đưa cho mình 500.000,đ *(Năm trăm nghìn đồng)* rồi thanh toán cho Đ tiền cưa hạ cây gỗ. H cũng lấy số tiền 500.000,đ *(Năm trăm nghìn đồng)* để dọn dẹp, làm luống chuẩn bị cho việc đốt toàn bộ số cây cối đã chặt được. Sau khi Đ ra về, H có xin bà Nh 1 ha (một héc ta) đất rừng để tự phát và trồng keo riêng mà không tham gia chung với bà Nh như đã xin trước đó. Bà Nh đồng ý nhưng có nói H phải hoàn thành việc phát, dọn dẹp, đốt để chuẩn bị trồng keo.

Sau đó, Vi Văn H còn xuống nhà bà Nh lấy thêm số tiền 3.050.000,đ *(Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng),* trong đó: 550.000 đồng là tiền công làm băng, luống, dọn dẹp chuẩn bị đốt rừng (do H tự làm), 2.500.000 đồng là tiền để

sửa máy cưa xăng chuẩn bị cắt cây để làm hàng rào bao quanh khu vực chặt phát để trồng keo.

Tổng số tiền mà bà Nh đã chi phí cho việc phát rừng nói trên là: 25.550.000,đ *(Hai mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)*. Số tiền 3.500.000,đ *(Ba triệu năm trăm nghìn đồng)* Lò Văn T đang giữ lại đã giao nộp cho cơ quan Công an huyện Quỳ Châu.

Ngày 06/6/2019, khi Vi Văn H chưa kịp đốt số cây cối đã chặt phát thì bị lực lượng kiểm lâm huyện Quỳ Châu phát hiện và lập biên bản vi phạm.

Nhận thấy hành vi của Vi Văn H có dấu hiệu tội phạm nên ngày 26/6/2019 Hạt kiểm lâm huyện Quỳ Châu đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳ Châu để điều tra xử lý theo quy định pháp luật.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Quỳ Châu đã phối hợp với Viện kiểm sát huyện, Đoàn điều tra quy hoạch lâm nghiệp tỉnh Nghệ An, Hạt kiểm lâm huyện Quỳ Châu và Ủy ban nhân dân xã Ch Th tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định diện tích và hiện trạng rừng bị chặt phá.

Kết quả xác định: diện tích rừng bị Vi Văn H chặt phát là 14.450 m^2 .

Tại văn bản số 2225 ngày 01/8/2019 của Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn tỉnh Nghệ An đã xác định vị trí chặt phá rừng thuộc các lô 97,92 và 95 khoảnh 5, tiểu khu 164 (Bản đồ kiểm kê rừng năm 2015, được phê duyệt tại quyết định 1731/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An). Đối chiếu theo hồ sơ phê duyệt quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Nghệ An tại quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Vị trí các lô rừng bị chặt phá 14.450 m^2*(Mười bốn nghìn bốn trăm năm mươi mét vuông)* nêu trên thuộc quy hoạch đất lâm nghiệp, loại rừng: rừng sản xuất. Trạng thái rừng là rừng nghèo kiệt (TXK), trữ lượng rừng bình quân 24,6 m^3/ha. Tổng khối lượng gỗ bị chặt là 35,547 m^3.

Bản kết luận định giá số 31 ngày 29/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Quỳ Châu kết luận: Giá trị lâm sản bị thiệt hại do hành vi chặt phá trái phép trên diện tích 14.450 m^2 tại lô 87,92,85 khoảnh 5, tiểu khu 164 (Bản đồ kiểm kê rừng năm 2015, được phê duyệt tại quyết định 1731/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An) thuộc xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An có giá trị thành tiền Việt Nam đồng là 42.936.500 đồng *(Bốn mươi hai triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm đồng)*.

*** Vật chứng vụ án:**

Trong quá trình điều tra đã thu giữ gồm: 14 (mười bốn) con dao thu giữ của Lương Thị D, Lò Văn Ph, Lò Văn T, Hà Văn L, Cầm Thị Th, Lương Thị M, Lữ Thị H, Vi Thị Th, Lữ Thị Th, Ngân Thị H, Hà Văn Ch, Lữ Văn Th, Lương Thị H; Vi Văn H; 01 (một) chiếc máy cưa xăng thu giữ của Lò Văn Ph; Số tiền 3.500.000 đồng thu giữ của Lò Văn T;

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện Q Ch yêu cầu Vi Văn H phải bồi thường thiệt hại là 42.936.500,đ *(Bốn mươi hai triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm đồng)* do hành vi của H gây ra theo quy định pháp luật. Trong quá trình điều tra gia đình Vi Văn H đã tự nguyện nộp 2.000.000,đ (hai triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳ Châu để khắc phục hậu quả.

Cáo trạng số 03/CT-VKS - HS, ngày 23/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu truy tố Vi Văn H về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm đ khoản 2 điều 243 của Bộ luật hình sự.

-Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên bản cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm đ khoản 2 điều 243, điểm b,s khoản 1 điều 51, khoản 2 điều 51, khoản 1 điều 54 điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Văn H từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù về tội "Hủy hoại rừng".

Bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị căn cứ điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 14 con dao; Trả lại cho Lò Văn Ph 01 máy cưa xăng. Số tiền thu giữ của Lò Văn T 3.500.000,đ tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 Bộ luật hình sự, các điều 584, 585, 580 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho nhà nước thông qua Ủy ban nhân dân huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An số tiền là 42.936.5000,đ, được khấu trừ số tiền bị cáo bồi thường trước là 2.000.000,đ.

Về án phí: Bị cáo thuộc diện chính sách hộ cận nghèo và có đơn đề nghị miễn toàn bộ án phí. Đề nghị Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Ý kiến của người bào chữa: Nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đề nghị căn cứ điểm đ khoản 2 điều 243, các điểm b, s khoản 1 điều 51, khoản 2 điều 51, khoản 1 điều 54, điều 38 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Nhất trí với ý kiến của Kiểm sát viên về việc không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị xem xét giảm mức bồi thường thiệt hại cho bị cáo.

- Ý kiến của các bị cáo: Đề nghị xem xét giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo để bị cáo có điều kiện để cải tạo tốt sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳ Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, Kiểm sát viên thu thập, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ai có khiếu nại về hành vi tiến hành tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và kiểm sát viên.

Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Trong quá trình điều tra Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện Q Ch có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự đầy đủ, đúng quy định. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai đầy đủ, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của họ. Căn cứ khoản 1 điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa Vi Văn H khai nhận: Năm 2014 gia đình bị cáo được nhà nước tạm giao quản lý, bảo vệ diện tích 69.960 m^2 đất rừng sản xuất tại lô 87, 92, 95 khoảnh 5 tiểu khu 164 ở bản M, xã Ch Th, huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận quản lý bảo vệ diện tích đất trên thì đến ngày 03/01/2015 Vi Văn H đã chuyển nhượng diện tích đất được tạm giao quản lý, bảo vệ của hộ gia đình mình cho chị Phan Thị Ph, ở xóm C Đ, xã Y H, huyện Q H, tỉnh Nghệ An với số tiền là 12.000.000,đ. Việc chuyển nhượng giữa Vi Văn H và Phan Thị Ph có viết giấy chuyển nhượng nhưng không có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi nhận chuyển nhượng thì Phan Thị Ph lại chuyển nhượng lại cho Hoàng Thị Nh và Phan Thị Ph và Hoàng Thị Nh đã đến gặp H về việc Ph chuyển nhượng lại cho Hoàng Thị Nh.

Ngày 30/3/2019 khi thấy ở địa bàn xã Ch Th có nhiều người phát rừng để trồng keo thì Vi Văn H điện thoại cho Hoàng Thị Nh hỏi bà Nh muốn phát rừng trồng keo thì H sẽ đứng ra làm thủ tục xin phép cơ qun nhà nước cho bà Nh để phát rừng trồng keo thì được bà Nh đồng ý.

Sau đó H đến nhà bà Nh và bàn bạc thống nhất: H là người sẽ đứng ra làm thủ tục, hồ sơ xin phép cơ quan chức năng, nếu được phép thì sẽ phát rừng còn chi phí bà Nh sẽ chịu trách nhiệm, sau khi phát xong thì bà Nh cho Hòa 01 ha đất để trồng keo. Sau khi thống nhất thì bà Nh đưa cho Hòa số tiền 3.000.000,đ để chi phí làm thủ tục, hồ sơ xin cơ quan chức năng. Vi Văn H đã đến gặp anh Cầm Bá H là cán bộ phụ trách lâm nghiệp xã Ch Th để xin phép phát rừng trồng keo nhưng không được chấp nhận, tuy nhiên H đã điện thoại thông báo cho bà Nh là đã xin được phép phát rừng và nói bà Nh thuê người để phát, do bà Nh còn điều trị ở bệnh

viện nên nói nếu đã xin được hép thì nhờ H thuê người phát. H đã thuê được 13 người để phát diện tích đất mà H đã chuyển nhượng cho Phan Thị Ph và đã được Ph chuyển nhượng cho Hoàng Thị Nh, giữa H và những người phát thuê thống nhất giá phát rừng là 3.500.000,đ/01 ha. Sau khi phát xong khoảng một tuần, Vi Văn H đã thuê Lò Văn Đ dùng máy cưa xăng cưa hạ các cây gỗ lớn trong khu vực rừng đã chặt phát. H cũng nói với Đ là đã xin cơ quan chức năng rồi nên cưa hạ cây sẽ không bị xử lý.

Diện tích rừng do Vi Văn H thuê người chặt phá là 14.450 m^2 thuộc các lô 97,92 và 95 khoảnh 5, tiểu khu 164 thuộc đất lâm nghiệp, loại rừng sản xuất, trạng thái rừng nghèo kiệt. trữ lượng rừng bình quân 24,6 m^3/ha. Tổng khối lượng gỗ bị chặt là 35,547 m^3. Thiệt hại về giá trị lâm sản là 42.390.500,đ. Việc bị cáo thuê người khác chặt phát rừng không thuộc quyền sử dụng của bị cáo để trồng keo và không đ- ợc cơ quan nhà n- ớc có thẩm quyền cho phép. Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội "Hủy hoại rừng" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 điều 243 của Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm hại đến hoạt quản lý và bảo vệ rừng, gây ảnh h- ởng đến môi tr- ờng sinh thái.Do đó cần xét xử nghiêm t- ơng xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành ng- ời sống có ích cho xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung và đối với loại tội phạm này nói riêng.

Tuy nhiên cũng xem xét giảm nhẹ đối với bị cáo bởi các yếu tố: Động cơ mục đích phạm tội của bị cáo là nhằm phát triển kinh tế cho gia đình; bản thân bị cáo thiếu hiểu biết về các quy định của pháp luật, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo và rất ăn năn hối hận; bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 2.000.00,đ để khắc phục hậu quả, bị cáo có ông nội là người có công với nước được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng ba do có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 điều 51 và khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 điều 51 và khoản 2 điều 51của Bộ luật hình sự. Do đó căn cứ khoản 1 điều 54 của Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tại khoản 4 điều 243 của Bộ luật hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000,đ đến 100.000.000,đ. Căn cứ vào biên bản xác minh hoàn cảnh kinh tế của bị cáo thì bị cáo thuộc diện chính sách hộ nghèo. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Hành vi của Hoàng Thị Nhg và Lương Văn V mặc dù đã bỏ tiền cho Vi Văn H để chi phí cho việc phát rừng nhưng bà Nh và ông V được H cho biết là đã xin phép được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép phát rừng nên không cấu thành tội Hủy hoại rừng với vai trò là đồng phạm với bị cáo.

Về vật chhứng vụ án: Trong quá trình điều tra đã thu giữ 14 con dao mà bị cáo và những người làm thuê cho bị cáo dùng vào việc phá rừng và 01 máy cưa xăng. 14 con dao trên là công cụ thực hiện hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng; căn cứ điểm a khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy .

Chiếc máy cưa xăng thu giữ của Lò Văn Đ là tài sản hợp pháp của anh Lò Văn Ph do anh Đ sử dụng nhưng anh Ph không biết anh Đ dùng vào việc chặt phá rừng. Căn cứ điểm a khoản 3 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại cho anh Ph. Số tiền 3.500.000,đ thu giữ của anh Lò Văn T đây là tiền do thực hiện hành vi phạm pháp luật mà có. Căn cứ điểm a khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ bồi th- ờng thiệt hại là 42.936.500,đ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hủy hoại rừng là 14.450 m^2 thuộc các lô 97, 92, 95 khoảnh 5, tiểu khu 164, thuộc đất lâm nghiệp, loại rừng sản xuất, trạng thái rừng nghèo kiệt, trữ lượng rừng bình quân 24,6 m^3/ha. Tổng khối lượng gỗ bị chặt là 35,547 m^3. Thiệt hại về giá trị lâm sản là 42.936.500,đ. Vì vậy bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại cho nhà nước. Số tiền bị cáo nộp 2.000.000,đ để khắc phục hậu quả cần được khấu trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường.

Số tiền bà Hoàng Thị Nh đã chi phí cho bị cáo và những người được bị cáo thuê phát rừng là 22.550.000,đ, bà Nh không yêu cầu bị cáo hoàn trả, do đó không xem xét. Khi nào giữa các bên có tranh chấp về số tiền trên thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số (Dân tộc Thái), sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thuộc diện chính sách hộ nghèo và có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Thông qua công tác xét xử vụ án này, kiến nghị Ủy ban nhân dân xã Ch Th và các cơ quan có thẩm quyền trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng huyện Q Ch, tỉnh Nghệ An tăng cường công tác quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, không để xảy ra những hành vi vi pháp pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm đ khoản 2 điều 243, điểm b,s khoản 1 điều 51, khoản 2 điều 51, khoản 1 điều 54, điều 38 của Bộ luật hình sự . Xử phạt: Vi Văn H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: Hủy hoại rừng. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam 08/8/2019.

- Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 14 con dao; Trả lại cho Lò Văn Ph 01 máy cưa xăng; Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 3.500.000,đ theo ủy nhiệm chi ngày 24/12/2019 (Đơn vị trả tiền là Công an huyện Quỳ Châu, đơn vị nhận tiền là Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳ Châu). Chi tiết các vật chứng được phản ánh tại biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Quỳ Châu và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳ Châu lập ngày 04/11/2019.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 điều 48 của Bộ luật hình sự, các điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Vi Văn H phải bồi thường thiệt hại cho nhà nước thông qua Ủy ban nhân dân huyện Q Ch, tỉnh Nghệ an số tiền là: 42.936.500,đ *(Bốn mươi hai triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm đồng)*. Được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã tự nguyện bồi thường 2.000.000,đ *(Hai triệu đồng)* nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳ Châu theo biên lai thu số 0007303 ngày 13/11/2019. Bị cáo còn phải bồi thường số tiền là: 40.936.500,đ *(Bốn mươi triệu chín trăm ba sáu nghìn năm trăm đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

-Về Án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự thẩm cho bị cáo.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, vắng mặt nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã Ký)

Lô Xuân Diệu

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳ Châu;
- CA huyện Quỳ Châu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳ Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.